TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 9 – VĨNH LONG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/**2026/DS-ST
Ngày: 21/01/2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Sẩm

2. Ông Ngô Bá Đức

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mỹ Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 332/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2026/QĐ-ST ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP L1 (L2);

Trụ sở chính: LBP T đường T, Phường T, Quận H, Thành phố Hà Nội (nay là LBP Tower số 210 đường T, phường H, Thành phố Hà Nội)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quốc K - Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ông Nguyễn Minh T - Chức vụ: Quyền giám đốc L2 - Chi nhánh B

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 1991 – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - Ngân hàng TMCP L1 chi nhánh B; (Xin vắng mặt)

Bà Lê Thị Mỹ T1, sinh năm 1991 – Chức vụ: Trưởng bộ phận khách hàng cá nhân - Ngân hàng TMCP L1 chi nhánh B – Phòng G.

Ông Nguyễn Vũ L - Chức vụ: Giám đốc - Ngân hàng TMCP L1 chi nhánh B – Phòng G.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1949; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: số A ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là số A ấp T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Ý trình bày:

Ông Phạm Văn C đã ký Hợp đồng tín dụng số: HDTD23A20220507 ngày 01/12/2022 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 23A20220507/01 ngày 01/12/2022 với Ngân hàng TMCP B1 (Nay là Ngân hàng TMCP L1) - Chi nhánh B Phòng G. Hai bên thống nhất việc Ngân hàng cho Ông Phạm Văn C vay tiền theo nội dung thỏa thuận sau:

Số tiền cho vay: 150.000.000 đồng

Mục đích vay: Chăn nuôi bò thịt

Thời hạn cho vay: Từ ngày 01/12/2022 đến ngày 30/11/2023

Lãi suất: 11.2%/năm Cố định 3 tháng đầu. Tháng thứ 4 trở lên lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất cho vay = Lãi suất cơ sở + Margin (Margin tối thiểu 3.95%/năm);

Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn;

Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm;

- Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi:

+ Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả cuối kỳ. Ngày 30/11/2023 phải trả số tiền 150.000.000 đồng

+ Kỳ hạn trả lãi: Lãi trả vào ngày 15 hàng quý theo dư nợ thực tế kỷ trả nợ lãi đầu tiên là ngày 15/03/2023

+ Ngày trả nợ cuối cùng: 30/11/2023.

Để đảm bảo cho khoản vay ông C đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC23A2022280 ngày 01/12/2022 với Ngân hàng. Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Phạm Văn C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 736600, số vào số cấp GCN: CS10961 do Sở T2, tỉnh Bến Tre cấp ngày 30/7/2018.

- Thửa đất số 117, tờ bản đồ số 21, diện tích 970,2m^2, toạ lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã Q, Tỉnh Vĩnh Long).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện giải ngân cho ông C số tiền 150.000.000 đồng, ông C đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền lãi là 15.537.047 đồng. Đến kỳ thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng ngày 30/11/2023, ông C phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 154.169.589 đồng, tuy nhiên

ông C không thanh toán đầy đủ dẫn đến khoản vay quá hạn, cụ thể ông C chỉ thanh toán cho ngân hàng số tiền 103.665 đồng.

Tạm tính đến ngày 21/01/2026, ông C chưa thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi và các khoản lãi chậm trả phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số: HDTD23A20220507 ngày 01/12/2022 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 123A20220507/01 ngày 01/12/2022 số tiền là 219.324.747 đồng.

Trong đó: Nợ gốc: 149.999.957 đồng; Nợ lãi trong hạn: 4.015.966 đồng; Nợ lãi chậm trả gốc: 64.436.591 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi (được tính trên lãi trong hạn): 872.233 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ quá hạn, làm việc trực tiếp với ông C về việc thanh toán nợ nhưng ông C không thực hiện. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

Buộc ông Phạm Văn C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP L1 nợ gốc, nợ lãi và các khoản nợ lãi chậm trả phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số: HDTD23A20220507 ngày 01/12/2022 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 23A20220507/01 ngày 01/12/2022 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/01/2026 là 219.324.747 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 149.999.957 đồng; Nợ lãi trong hạn: 4.015.966 đồng; Nợ lãi chậm trả gốc: 64.436.591 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi (được tính trên lãi trong hạn): 872.233 đồng.

Buộc ông Phạm Văn C có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP L1 (L2) tiền lãi phát sinh tính từ ngày 22/01/2026 cho đến khi trả tất nợ theo thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số: HDTD23A20220507 ngày 01/12/2022 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 23A20220507/01 ngày 01/12/2022.

Trường hợp Ông Phạm Văn C không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần nợ theo Hợp đồng tín dụng số: HDTD23A20220507 ngày 01/12/2022 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 23A20220507/01 ngày 01/12/2022 đã ký thì Ngân hàng TMCP L1 được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số: 117, tờ bản đồ số: 21, Địa chỉ thửa đất: ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T,xã Q, Tỉnh Vĩnh Long) theo Hợp đồng thế chấp số HDTC23A2022280 ngày 01/12/2022 đã ký để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp tài sản bảo đảm phát mãi không đủ để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng Ông Phạm Văn C vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ tại Ngân hàng theo đúng Hợp đồng tín dụng số: HDTD23A20220507 ngày 01/12/2022 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 23A20220507/01 ngày 01/12/2022.

Theo nội dung biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2026 bị đơn ông Phạm Văn C trình bày:

Ông thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, ông thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số: HDTD23A20220507 ngày 01/12/2022 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 23A20220507/01 ngày 01/12/2022. Ông đã nhận toàn bộ số tiền vay mà ngân hàng giải ngân và hiện

nay còn nợ lại số tiền gốc, lãi như Ngân hàng yêu cầu. Ông đồng ý trả cho Ngân hàng T3 số tiền gốc, lãi hiện nay còn nợ. Trường hợp không trả được tiền thì ông đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 117, tờ bản đồ số 21, toạ lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T,xã Q, Tỉnh Vĩnh Long) theo Hợp đồng thế chấp số HDTC23A2022280 ngày 01/12/2022 để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Do lớn tuổi đi lại khó khăn ông yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt ông trong suốt quá trình tố tụng của vụ án. Đồng thời, ông thuộc đối tượng người cao tuổi nên đề nghị Toà án xem xét miễn án phí cho ông.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 -Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 tiến hành xét xử vắng mặt chị Như Ý, ông C.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 317, 319, 322, 324 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L1 đối với ông Phạm Văn C.

Buộc ông Phạm Văn C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP L1 (tên gọi cũ là Ngân hàng TMCP B1) tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/01/2026 là 219.324.747 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 149.999.957 đồng; Nợ lãi trong hạn: 4.015.966 đồng; Nợ lãi chậm trả gốc: 64.436.591 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi (được tính trên lãi trong hạn): 872.233 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: HDTD23A20220507 ngày 01/12/2022 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 23A20220507/01 ngày 01/12/2022 được ký kết giữa ông Phạm Văn C với Ngân hàng TMCP B1 (Nay là Ngân hàng TMCP L1) - Chi nhánh B Phòng G.

Buộc ông Phạm Văn C tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 22/01/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: HDTD23A20220507 ngày 01/12/2022 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 23A20220507/01 ngày 01/12/2022.

Trong trường hợp ông Phạm Văn C không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng TMCP L1 (tên gọi cũ là Ngân hàng TMCP B1) được xử lý tài sản bảo

đảm theo hợp đồng thế chấp số HDTC23A2022280 ngày 01/12/2022 để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Án phí, chi phí tố tụng các đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà; quan điểm của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của Ngân hàng TMCP L1, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Ý và bị đơn ông Phạm Văn C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Như Ý, ông C.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu thanh toán theo Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ:

Các đương sự thống nhất trình bày, ông Phạm Văn C có ký Hợp đồng tín dụng số: HDTD23A20220507 ngày 01/12/2022 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 23A20220507/01 ngày 01/12/2022 với Ngân hàng TMCP B1 (Nay là Ngân hàng TMCP L1) - Chi nhánh B Phòng G. Hai bên thống nhất thỏa thuận các nội dung:

Số tiền cho vay: 150.000.000 đồng

Mục đích vay: Chăn nuôi bò thịt

Thời hạn cho vay: Từ ngày 01/12/2022 đến ngày 30/11/2023

Lãi suất: 11.2%/năm Cố định 3 tháng đầu. Tháng thứ 4 trở lên lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất cho vay = Lãi suất cơ sở + Margin (Margin tối thiểu 3.95%/năm);

Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn;

Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm;

- Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi:

+ Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả cuối kỳ. Ngày 30/11/2023 phải trả số tiền 150.000.000 đồng

+ Kỳ hạn trả lãi: Lãi trả vào ngày 15 hàng quý theo dư nợ thực tế kỷ trả nợ lãi đầu tiên là ngày 15/03/2023

+ Ngày trả nợ cuối cùng: 30/11/2023.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đến kỳ hạn trả nợ ngày 30/11/2023, ông C phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 154.169.589 đồng, tuy nhiên ông C không thanh toán đầy đủ dẫn đến khoản vay quá hạn. Tạm tính đến ngày 21/01/2026, thì ông C còn nợ lại Ngân hàng tổng số tiền vay gốc, lãi là 219.324.747 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 149.999.957 đồng; Nợ lãi trong hạn: 4.015.966 đồng; Nợ lãi chậm trả gốc: 64.436.591 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi (được tính trên lãi trong hạn): 872.233 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông C có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền này cho Ngân hàng, ông C thừa nhận có nợ Ngân hàng số tiền trên và đồng ý trả nên ghi nhận.

Ngân hàng yêu cầu ông C phải tiếp tục chịu phần nợ lãi phát sinh từ ngày 22/01/2026 cho đến khi tất nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, thấy rằng nội dung này phù hợp với thỏa thuận giữa các nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét hợp đồng thế chấp:

Để bảo đảm cho khoản vay trên thì ông C đã ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC23A2022280 ngày 01/12/2022. Tài sản bảo đảm: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Phạm Văn C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 736600, số vào số cấp GCN: CS10961 do Sở T2, tỉnh Bến Tre cấp ngày 30/7/2018 là thửa đất số 117, tờ bản đồ số 21, diện tích 970,2m^2, toạ lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã Q, Tỉnh Vĩnh Long).

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/01/2026 đối với thửa đất số 117, tờ bản đồ số 21 thể hiện quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hiện nay phù hợp với biên bản của Ngân hàng khi thẩm định để ký kết hợp đồng thế chấp giữa các bên.

Ngân hàng yêu cầu trường hợp ông C không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Ông C cũng đồng ý nếu không trả được tiền cho Ngân hàng thì ông đồng ý để Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ nên ghi nhận.

Như vậy, trường hợp ông C1 không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số HD9TCC ngày 15/04/2022 để thu hồi nợ.

Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn C được miễn do thuộc đối tượng là người cao tuổi theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được miễn án phí sơ thẩm.

H lại cho Ngân hàng TMCP L1 số tiền tạm ứng án phí là 5.201.000 đồng theo biên lai thu số 0009286 ngày 12/11/2025 và số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng

theo biên lai thu số 0009273 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

5]. Về chi phí tố tụng: Số tiền 400.000 đồng ông C phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 156, Điều 157, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 317, 319, 322, 324 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L1 đối với ông Phạm Văn C.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc ông Phạm Văn C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP L1 (tên gọi cũ là Ngân hàng TMCP B1) tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/01/2026 là 219.324.747 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 149.999.957 đồng; Nợ lãi trong hạn: 4.015.966 đồng; Nợ lãi chậm trả gốc: 64.436.591 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi (được tính trên lãi trong hạn): 872.233 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: HDTD23A20220507 ngày 01/12/2022 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 23A20220507/01 ngày 01/12/2022 được ký kết giữa ông Phạm Văn C với Ngân hàng TMCP B1 (Nay là Ngân hàng TMCP L1) - Chi nhánh B Phòng G.

2. Buộc ông Phạm Văn C tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 22/01/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: HDTD23A20220507 ngày 01/12/2022 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 23A20220507/01 ngày 01/12/2022.

3. Trong trường hợp ông Phạm Văn C không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng TMCP L1 (tên gọi cũ là Ngân hàng TMCP B1) được xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số HDTC23A2022280 ngày 01/12/2022 là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 21, toạ lạc tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã Q, Tỉnh Vĩnh Long) để thu hồi nợ.

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác, không xem xét giải quyết.

4. Chi phí tố tụng: Số tiền 400.000 đồng ông Phạm Văn C phải chịu, số tiền này Ngân hàng TMCP L1 đã nộp xong nên ông C phải có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng số tiền 400.000 đồng.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn C được miễn do thuộc đối tượng là người cao tuổi theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được miễn án phí sơ thẩm.

H lại cho Ngân hàng TMCP L1 số tiền tạm ứng án phí là 5.201.000 đồng theo biên lai thu số 0009286 ngày 12/11/2025 và số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009273 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Yến